

Số: 82/KH-UBND

Nam Định, ngày 23 tháng 8 năm 2017

KẾ HOẠCH

Nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh Nam Định giai đoạn 2017-2020

Căn cứ Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06/02/2017 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020.

Căn cứ Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 17/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp;

Căn cứ Chương trình hành động số 02/CTr-UBND ngày 28/2/2017 thực hiện Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06/02/2017 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 25/4/2017 của UBND tỉnh Nam Định ban hành quy định trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước về thực hiện công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Nam Định;

Căn cứ Quyết định số 850/QĐ-UBND ngày 25/4/2017 của UBND tỉnh Nam Định ban hành bộ chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Nam Định;

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh Nam Định giai đoạn 2017-2020 như sau:

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CẢI THIỆN CHỈ SỐ PCI TỈNH NAM ĐỊNH NĂM 2016

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Trong năm 2016, với sự quyết tâm của cả hệ thống chính trị, cùng với sự cố gắng của các cấp, các ngành đã tạo lập một số chuyển biến tích cực trong cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

(1) Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Nam Định đã ban hành Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 09/6/2016 về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, xúc tiến và thu hút đầu tư giai đoạn 2016-2020.

(2) Nhằm tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi, hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo; Ngày 30/6/2016, UBND tỉnh đã ban hành Chương trình hành động số 01/CTr-UBND triển khai Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp

đến năm 2020 của tỉnh Nam Định. Trong đó phần đầu số lượng doanh nghiệp đến năm 2020 tăng từ 1,5 - 2 lần so với thời điểm 30/6/2016. Tăng cường hỗ trợ, khuyến khích hộ kinh doanh cá thể chuyển đổi và đăng ký hoạt động theo theo các loại hình doanh nghiệp.

(3) UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 30/5/2016 triển khai Nghị quyết số 19-2016/NQ-CP ngày 28/4/2016 của Chính phủ và Chương trình hành động cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh Nam Định giai đoạn 2016-2017, định hướng đến năm 2020; Chương trình hành động số 02/CTr-UBND ngày 28/2/2017 thực hiện Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06/02/2017 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020.

(4) UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 01/7/2016 về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, xúc tiến và thu hút đầu tư giai đoạn 2016-2020.

(5) UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 34/2016/QĐ-UBND ngày 09/9/2016 ban hành quy chế phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc cấp, điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với các dự án đầu tư thực hiện ngoài khu công nghiệp. Theo đó, doanh nghiệp chỉ phải làm việc với một đầu mối khi thực hiện các thủ tục đầu tư trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, đã giảm từ 10 - 50% thời gian thực hiện các thủ tục liên quan đến đầu tư như: *Thẩm định nhu cầu sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư...*

(6) Ngày 22/9/2016, UBND tỉnh Nam Định và Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã ký bản cam kết về tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Nam Định. Đến hết năm 2016, cộng đồng doanh nghiệp đã ghi nhận một số chuyển biến tích cực về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh: Năm 2016 là năm đầu tiên tổng số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đạt mốc hơn 6.500 doanh nghiệp (*tính đến thời điểm 31/12/2016, trên địa bàn tỉnh đã có 6.540 doanh nghiệp, số vốn đăng ký 47.658 tỷ đồng tăng 10,2% về số lượng doanh nghiệp và 11% về số vốn đăng ký so năm 2015*), số doanh nghiệp giải thể/phá sản là 12 doanh nghiệp, số hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp trong một năm cao nhất từ trước đến nay (*năm 2016, có 672 hồ sơ với 4.935 tỷ đồng vốn đăng ký*).

(7) Thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ, Tỉnh đã quán triệt các ngành chức năng, tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức đối thoại công khai định kỳ ít nhất 02 lần/năm với cộng đồng doanh nghiệp, báo chí: Tỉnh đã tổ chức nhiều hội nghị tiếp xúc, gặp mặt nhà đầu tư, doanh nghiệp như: *Hội nghị đối thoại và kết nối giữa ngân hàng với doanh nghiệp, Hội nghị đối thoại với các doanh nghiệp về tình hình thực thi pháp luật lao động trên địa bàn tỉnh Nam Định; Tuần lễ lắng nghe người nộp thuế; Tuần lễ hướng dẫn quyết toán thuế; Tuần lễ hướng dẫn chính sách mới và đối thoại với doanh nghiệp, Hội nghị lãnh đạo tỉnh gặp mặt, đối thoại với doanh nghiệp (tháng 01/2016 và*

tháng 10/2016)... Tại các Hội nghị, lãnh đạo tỉnh và các sở, ngành, địa phương đã lắng nghe ý kiến của doanh nghiệp, nhà đầu tư, đồng thời phổ biến những chủ trương, định hướng, quy định mới của Nhà nước trong thực thi pháp luật về đầu tư, đăng ký doanh nghiệp, đấu thầu, thuế, đất đai... giúp cho các tổ chức, cá nhân tiếp cận nhanh nhất đến những quy định của Nhà nước trong hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Nam Định.

(8) Chủ động công khai số điện thoại đường dây nóng ở hầu hết các Sở, ban, ngành và các huyện, thành phố để tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân liên quan đến tình trạng chậm giải quyết thủ tục hành chính, tình trạng vi phạm pháp luật và những nhiễu, tiêu cực trong hoạt động quản lý nhà nước.

(9) UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư thường xuyên cập nhật tình hình đăng ký doanh nghiệp, công khai thông tin các doanh nghiệp đăng ký tạm dừng, giải thể, phá sản trên cổng thông tin điện tử Sở Kế hoạch và Đầu tư.

(10) Tiếp tục rà soát các quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm để điều chỉnh, bổ sung hoặc loại bỏ cho phù hợp với thị trường và quyền kinh doanh của doanh nghiệp.

(11) Tăng cường hợp tác quốc tế: Tỉnh đã tích cực tham gia, tổ chức các hội nghị về xúc tiến đầu tư tại nước ngoài, 02 Hội nghị tiêu biểu là: Hội nghị xúc tiến đầu tư tại Hoa Kỳ (tháng 8/2016, nhằm mục tiêu tìm kiếm cơ hội hợp tác đầu tư với các tập đoàn tài chính, ngân hàng và doanh nghiệp lớn của Hoa Kỳ); tại Nhật Bản (tháng 9/2016, tổ chức tại tỉnh Miyazaki để tổ chức hội nghị xúc tiến đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp tỉnh Nam Định tại tỉnh Miyazaki - Nhật Bản)... Hiện nay, tỉnh đang tiếp tục triển khai các hoạt động liên kết giữa doanh nghiệp nông nghiệp của tỉnh với một số doanh nghiệp của tỉnh Miyazaki (Nhật Bản) để thực hiện các nội dung hợp tác, liên kết đào tạo nguồn nhân lực và sản xuất, chế biến, tiêu thụ một số nông, thủy sản là thế mạnh của tỉnh.

(12) Tăng cường cải cách thủ tục hành chính, giảm bớt những thủ tục không còn phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân, tổ chức thực hiện hoạt động đầu tư trên địa bàn tỉnh, tỉnh đã tiến hành rà soát, công bố các thủ tục hành chính trên các lĩnh vực như: *Lĩnh vực thành lập và hoạt động doanh nghiệp, lĩnh vực đầu tư trong nước; lĩnh vực đầu tư nước ngoài;*... tích cực, thường xuyên phát sóng, đăng tải các chương trình, chuyên mục bài viết về cải cách hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh, đầu tư, mở chuyên trang, chuyên mục để đăng tải và đưa tin về hoạt động cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh.

*** Kết quả thu hút đầu tư năm 2016 và 06 tháng đầu năm 2017**

Trong năm 2017, tính đến thời điểm ngày 10/7/2017, trên địa bàn tỉnh Nam Định đã cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mới và điều chỉnh tăng vốn cho 19 dự án đầu tư trong nước với tổng số vốn đăng ký là 843,2 tỷ đồng và 15 dự án FDI với tổng số vốn đăng ký là 2.165,4 triệu USD.

Tính cả giai đoạn 2016-2017, trên địa bàn tỉnh Nam Định đã cấp giấy

chứng nhận đăng ký đầu tư mới và điều chỉnh tăng vốn cho 80 dự án đầu tư trong nước với tổng số vốn đăng ký là 1.956,2 tỷ đồng (bằng 6,5% mục tiêu thu hút đầu tư trong nước giai đoạn 2016-2020 theo Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 09/6/2016); 34 dự án FDI với tổng số vốn đăng ký là 2.468,4 triệu USD (bằng 82,3% mục tiêu thu hút FDI giai đoạn 2016-2020 theo Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 09/6/2016).

2. Chỉ số PCI tỉnh Nam Định năm 2016

Năm 2016, chỉ số PCI tỉnh Nam Định đạt 58,54 điểm, đứng thứ 30/63 trong cả nước; giảm 1,08 điểm và hạ 13 bậc so với năm 2015. Trong giai đoạn 10 năm từ 2007-2016, tổng điểm PCI năm 2016 của tỉnh cao thứ hai (chỉ thấp hơn năm 2015, năm đạt điểm số kỷ lục là 59,62 điểm); xét trên bình diện 63 tỉnh, thành phố, PCI năm 2016 của tỉnh cao hơn mức trung vị của cả nước 0,34 điểm (điểm trung vị 63 tỉnh thành là 58,20 điểm).

Tính riêng trong vùng Đồng bằng sông Hồng, tỉnh Nam Định xếp hạng 7/11 (cao hơn 4 tỉnh gồm: Hà Nam: 35/63, Hải Dương: 36/63, Thái Bình: 40/63, Hưng Yên: 50/63), và là tỉnh có điểm số cao nhất trong nhóm xếp hạng khá của vùng; 6 tỉnh còn lại trong vùng đều có điểm xếp hạng ở nhóm tốt (trên 60 điểm). Trong tiểu vùng Nam Đồng bằng sông Hồng, Nam Định có thứ hạng 2/4, chỉ sau tỉnh Ninh Bình, xếp trên hai tỉnh Hà Nam và Thái Bình.

* Các chỉ số tăng điểm

Năm 2016, có 5/10 chỉ số tăng điểm so với năm 2015, gồm:

- *Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng*: Chỉ số thành phần này đạt 5,13 điểm, xếp thứ 29/63, tăng 0,51 điểm và tăng 11 bậc so với năm 2015;

- *Chỉ số Chi phí không chính thức*: Chỉ số thành phần này đạt 5,48 điểm, xếp thứ 24/63, tăng 0,53 điểm và tăng 9 bậc so với năm 2015;

- *Chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp*: Chỉ số thành phần này đạt 5,91 điểm, xếp hạng 17/63 (thứ hạng cao nhất trong 10 chỉ số), tăng 0,05 điểm và tăng 1 bậc so với năm 2015;

- *Chỉ số Gia nhập thị trường*: Chỉ số thành phần này đạt 8,58 điểm, xếp thứ 29/63, tăng 0,05 điểm và hạ 1 bậc so với năm 2015;

- *Chỉ số Tính năng động của chính quyền tỉnh*: Chỉ số thành phần này đạt 5,01 điểm (là năm đầu tiên đạt mức trên 5 điểm tính từ năm 2007), xếp hạng 25/63, tăng 0,19 điểm và hạ 2 bậc so với năm 2015.

* Chỉ số giữ nguyên điểm

Năm 2016, chỉ số *Tính minh bạch*: Đạt 6,06 điểm, xếp hạng 43/63, giữ nguyên điểm số và giảm 5 bậc so với năm 2015.

* Các chỉ số có giảm điểm

Năm 2016, có 4/10 chỉ số giảm điểm, gồm:

- *Chỉ số Thiết chế pháp lý*: Chỉ số thành phần này đạt 3,86 điểm, xếp thứ

63/63, giảm 2,14 điểm và hạ 39 bậc so với năm 2015. Thiết chế pháp lý là chỉ số có biến động giảm điểm và giảm thứ hạng lớn nhất trong các chỉ tiêu thành phần;

- *Chỉ số Tiếp cận đất đai*: Chỉ số thành phần này đạt 5,75 điểm, xếp thứ 35/63, giảm 0,57 điểm và hạ 18 bậc so với năm 2015. Chỉ số này có biến động giảm điểm và giảm thứ hạng lớn thứ hai trong các chỉ tiêu thành phần;

- *Chỉ số Đào tạo lao động*: Chỉ số thành phần này đạt 5,93 điểm, xếp thứ 32/63, giảm 0,3 điểm và hạ 16 bậc so với năm 2015;

- *Chỉ số Chi phí thời gian*: Chỉ số thành phần này đạt 56,16 điểm, xếp thứ 46/63, giảm 0,31 điểm và hạ 12 bậc so với năm 2015.

3. Chỉ số cơ sở hạ tầng năm 2016

Chỉ số cơ sở hạ tầng không tham gia vào quá trình tính toán điểm số PCI cấp tỉnh và được hợp thành bởi 4 thành phần: (1) *Khu công nghiệp*; (2) *Đường giao thông*; (3) *Các dịch vụ năng lượng và điện thoại*; và (4) *Dịch vụ Internet*. Năm 2016, tỉnh Nam Định đứng thứ 27/63 tỉnh, thành phố trong cả nước với 62,55 điểm, mặc dù thứ hạng ở nhóm trên trung vị, nhưng trong phạm vi bốn tỉnh của tiểu vùng Nam Đồng bằng sông Hồng, Nam Định xếp cuối.

Năm 2016, 98% doanh nghiệp được điều tra đánh giá chất lượng đường tỉnh tốt, tuy nhiên chỉ có 20% đánh giá đường huyện tốt, hiện trên địa bàn tỉnh Nam Định, về chất lượng hạ tầng giao thông cấp tỉnh - huyện - xã có sự chênh lệch lớn, chưa đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp, nhà đầu tư nhất là các tuyến giao thông cấp huyện và cấp xã. Tiếp theo là dịch vụ điện thoại, 71% doanh nghiệp tại tỉnh đánh giá chất lượng là tốt và rất tốt.

Hạ tầng khu công nghiệp hiện nay chưa đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp, chỉ có 47% doanh nghiệp được điều tra đánh giá chất lượng khu công nghiệp tốt; những vấn đề về xử lý môi trường, nước thải, chất thải rắn xả ra từ các nhà máy trong khu công nghiệp chưa được giải quyết triệt để, nhất là trong khu công nghiệp Hòa Xá (*đã được Nhà nước đầu tư xây dựng hạ tầng, tuy nhiên nhà máy xử lý nước thải chưa đáp ứng hết nhu cầu mở rộng quy mô, công suất sản xuất của các nhà máy trong phạm vi của KCN*).

Cải thiện chất lượng hạ tầng cần nguồn lực tổng hợp các thành phần kinh tế nhà nước, tư nhân,... của Trung ương cũng như địa phương và đòi hỏi rất nhiều thời gian. Tuy nhiên, thông qua việc cải thiện chất lượng điều hành kinh tế, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, thủ tục hành chính thông thoáng, nâng cao chất lượng công tác cán bộ, ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử có thể hạn chế bớt những bất lợi, yếu kém và hạn chế của điều kiện hạ tầng.

4. Một số tồn tại, hạn chế trong thực hiện cải thiện chỉ số PCI

- *Về thiết chế pháp lý*: Năm 2016 đã chứng kiến sự giảm sút rất lớn về lòng tin của doanh nghiệp với hệ thống hỗ trợ tư pháp của tỉnh thể hiện ở mức giảm điểm kỷ lục của một chỉ số thành phần trong các năm (*giảm 2,14 điểm và hạ 39*

bạc, xếp hạng 63/63 tỉnh, thành phố). Hệ thống pháp luật chưa có cơ chế giúp doanh nghiệp tố cáo hành vi tham nhũng của cán bộ. Bên cạnh đó, doanh nghiệp trên địa bàn chưa sẵn sàng sử dụng hệ thống tư pháp của tỉnh (Tòa án, Viện Kiểm sát) để xử lý tranh chấp, hỗ trợ pháp lý và các cơ quan hỗ trợ pháp lý chưa hoạt động hiệu quả.

- *Về tiếp cận đất đai*: Vẫn còn nhiều doanh nghiệp đánh giá có nhu cầu được cấp GCNQSDĐ nhưng không có do thủ tục hành chính rườm rà/lo ngại cán bộ những nhiều diện tích đất trong tỉnh có Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất (và 90%, xếp thứ 45/63).

- *Về chi phí thời gian thực hiện các thủ tục hành chính*: Chỉ số chi phí thời gian năm 2016 giảm 0,3 điểm và hạ 12 bậc xếp hạng, những tồn tại gồm: Cán bộ nhà nước giải quyết công việc chưa hiệu quả (xếp hạng 38/63), chưa thân thiện (xếp hạng 40/63), doanh nghiệp phải đi lại nhiều lần để lấy dấu và chữ ký (xếp hạng 42/63). Bên cạnh đó, số cuộc thanh tra, kiểm tra và số giờ trung vị của tỉnh chưa được cải thiện so với năm 2015 (giữ nguyên mức trung bình 2 cuộc và 8 giờ/cuộc – mức cao nhất cả nước).

- *Về đào tạo lao động*: Một số tồn tại của chỉ tiêu này như: Tỷ lệ người lao động tốt nghiệp trường đào tạo nghề so với chưa đào tạo giảm, Chất lượng dịch vụ dạy nghề của các cơ quan nhà nước giảm (giảm 5%, hạ 14 bậc), đồng thời chi phí dành cho đào tạo và lao động của doanh nghiệp tăng góp phần làm tăng chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; số doanh nghiệp muốn tiếp tục sử dụng dịch vụ giới thiệu việc làm giảm từ 56% năm 2015 xuống còn 47% năm 2016 (hạ 32 bậc, xếp hạng 54/63). Bên cạnh đó, vẫn đề thiếu hụt lao động cục bộ ở các Khu công nghiệp, các địa phương có nhiều doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động như dệt may, da giày cũng làm tăng chi phí tuyển dụng, đào tạo lao động.

- *Về tính minh bạch*: Các địa phương khác trong cả nước đã bứt phá mạnh mẽ hơn so với những nỗ lực của tỉnh Nam Định. Tính riêng trong vùng Đồng bằng sông Hồng, đã có 6 tỉnh tăng điểm và chỉ có 4 tỉnh giảm điểm, đặc biệt trong tiểu vùng Nam đồng bằng sông Hồng, chỉ duy nhất Nam Định không cải thiện còn các tỉnh khác đều cải thiện từ 0,31 đến 0,56 điểm. Mặc dù tỷ lệ doanh nghiệp truy cập vào Website của chính quyền đạt tỷ lệ cao (81,45%) nhưng điểm số đánh giá về độ mở và chất lượng trang web của tỉnh rất thấp (xếp hạng 62/63). Bên cạnh đó, doanh nghiệp đánh giá cần có "mối quan hệ" để có được các tài liệu của tỉnh.

- *Về gia nhập thị trường*: Điểm số ở mức khá cao (trên 8,5), và đang ở mức cao nhất từ trước đến nay nên không còn nhiều dư địa để tiếp tục cải thiện hơn nữa. Các doanh nghiệp đánh giá một số yếu tố tích cực trong việc rút ngắn thời gian cấp GCNQSDĐ, thời gian thay đổi đăng ký doanh nghiệp, tuy nhiên, chất lượng của bộ phận một cửa chưa được đánh giá cao, ứng dụng công nghệ thông tin tại bộ phận một cửa chưa tốt, thủ tục chưa rõ ràng và thái độ phục vụ của cán bộ còn cần phải cải thiện.

- *Về dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp*: Các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp như tìm

kiểm thông tin thị trường, tư vấn pháp luật và tìm kiếm đối tác, tư vấn công nghệ, kế toán - tài chính, quản trị kinh doanh đang dần được cải thiện về chất lượng lẫn số lượng. Tuy nhiên, hầu hết các doanh nghiệp lại không có ý định tiếp tục sử dụng các dịch vụ được cung cấp trên địa bàn nhất là các dịch vụ về xúc tiến thương mại, dịch vụ đào tạo về kế toán và tài chính, dịch vụ tư vấn pháp luật.

- *Về tính năng động của chính quyền tỉnh*: Kết quả PCI năm 2016 cũng đã chỉ ra một số hạn chế trong công tác lãnh đạo của tỉnh đó là: Tỉnh linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật chưa cao (xếp hạng 45/63); các sở, ban, ngành đã thực thi các sáng kiến, chính sách của tỉnh tương đối tốt nhưng lại chưa thực hiện tốt ở cấp huyện (cấp tỉnh xếp hạng 4/63 - cấp huyện xếp hạng 34/63).

- *Về cạnh tranh bình đẳng*: Trong năm 2016, chính quyền tỉnh đã tạo dựng được niềm tin nhất định cho cộng đồng doanh nghiệp ở những tiêu chí đảm bảo sự công bằng cho doanh nghiệp trong nước với tổng công ty, tập đoàn nhà nước hay doanh nghiệp FDI về các nguồn lực, đất đai, tín dụng... Đa phần các chỉ tiêu cơ sở được công bố ở vị trí tích cực (có 8 chỉ tiêu cơ sở ở mức trên trung vị so với 4 chỉ tiêu cơ sở ở mức dưới trung vị). Tuy nhiên, vẫn còn một số lĩnh vực chưa được cải thiện: Các doanh nghiệp đánh giá tỉnh dành những ưu ái cho các doanh nghiệp FDI, tập đoàn kinh tế nhà nước.

- *Về chi phí không chính thức*: Năm 2016, theo dữ liệu PCI được công bố, ghi nhận sự chuyển biến rất tích cực của chính quyền tỉnh về giảm chi phí không chính thức của các doanh nghiệp trong hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh (chỉ có 5% doanh nghiệp phải chi hơn 10% doanh thu cho chi phí không chính thức, xếp hạng 11/63), đồng thời chất lượng công việc cũng được giải quyết hiệu quả hơn những năm trước. Tuy nhiên, các doanh nghiệp vẫn còn lo ngại hiện tượng những nhiều khi giải quyết thủ tục (hơn 60% doanh nghiệp), đồng thời tỷ lệ doanh nghiệp không đồng ý với các khoản chi phí không chính thức còn cao (25% doanh nghiệp, xếp hạng 46/63), mặc dù chính quyền tỉnh đã chủ trương thực hiện công khai, minh bạch tất cả các thủ tục hành chính liên quan nhưng vẫn chưa tạo cải thiện được niềm tin ở cộng đồng doanh nghiệp.

* Nguyên nhân chủ yếu của những tồn tại, hạn chế trong công tác cải thiện chỉ số PCI tỉnh Nam Định:

- Công tác cải cách hành chính vẫn còn bất cập, nhất là việc xây dựng các hồ sơ, thủ tục, quy trình thực hiện còn chưa kịp thời. Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành chưa chặt chẽ; công tác thanh tra, kiểm tra đối với các doanh nghiệp còn trùng lặp.

- Một số lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức còn thiếu trách nhiệm trong thực thi công vụ, gây phiền hà, những nhiều đối với nhà đầu tư, doanh nghiệp nhưng chưa có trường hợp nào bị xử lý.

- Tỉnh minh bạch trong tiếp cận thông tin của nhà đầu tư, doanh nghiệp còn khó khăn; việc tiếp cận đất đai của nhà đầu tư, doanh nghiệp còn hạn chế.

- Thu hút đầu tư thiếu tính liên kết vùng, khu vực; các dự án quy mô lớn,

công nghệ cao mang tính động lực để phát triển kinh tế còn ít; công tác quy hoạch (quy hoạch đất đai, quy hoạch xây dựng...) phục vụ cho thu hút đầu tư còn bất cập, chưa đáp ứng được thực tế nhu cầu của nhà đầu tư.

- Thu hút đầu tư còn gặp nhiều khó khăn do vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng, các vấn đề liên quan đến đất đai, môi trường (*dự án sản xuất nông nghiệp chất lượng cao của tập đoàn Vingroup tại xã Xuân Châu, Xuân Hồng - huyện Xuân Trường; dự án nhà máy sản xuất giầy Bunda tại xã Nam Cường, Nghĩa An - huyện Nam Trực...*).

II. KẾ HOẠCH CẢI THIỆN CHỈ SỐ PCI NĂM 2017 VÀ NHỮNG NĂM TIẾP THEO

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng nền hành chính công khai, minh bạch; nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị. Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh theo hướng thông thoáng, thuận lợi, tạo động lực thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp. Từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội; tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp, không hình sự hóa các quan hệ kinh tế dân sự, tạo lập môi trường pháp lý công khai, minh bạch cho các nhà đầu tư ổn định sản xuất, kinh doanh; Tổ chức đối thoại công khai định kỳ ít nhất 02 lần/năm giữa lãnh đạo tỉnh với cộng đồng doanh nghiệp; Rà soát, loại bỏ ngay những cuộc thanh tra, kiểm tra chồng chéo, không cần thiết đối với doanh nghiệp, thực hiện thanh tra, kiểm tra không quá một lần/năm, xây dựng chương trình thanh tra, kiểm tra liên ngành nhiều nội dung trong một đợt thanh tra, kiểm tra, trừ trường hợp thanh tra, kiểm tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật rõ ràng.

Đồng thời, tỉnh sẽ tiếp tục triển khai quyết liệt các biện pháp cải thiện các chỉ số có trọng số lớn, ảnh hưởng nhiều đến chỉ số PCI (*gồm các chỉ số: Tính minh bạch, Chi phí không chính thức, Hỗ trợ doanh nghiệp, Đào tạo lao động*) và tiếp tục các giải pháp nâng cao các chỉ số có điểm số thấp (*gồm chỉ số: Thiết chế pháp lý, Tiếp cận đất đai, Tính năng động của chính quyền tỉnh*) nhằm gia tăng tổng điểm số PCI trong thời gian ngắn. Mục tiêu phấn đấu điểm số PCI năm 2017 tương đương năm 2015 trở lên (*năm 2015, PCI tỉnh đạt 59,62 điểm*) và từ năm 2018 trở đi phấn đấu đạt từ 60 điểm trở lên, thuộc nhóm xếp hạng tốt (*chi tiết tại Phụ lục 01*).

2. Nội dung kế hoạch nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2017 và những năm tiếp theo

2.1. Nội dung chủ yếu

Quyết liệt chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, đồng hành cùng doanh nghiệp thực hiện tốt nhiệm vụ cải

cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh Nam Định thông qua các giải pháp cụ thể:

(1) Quyết tâm thực hiện đổi mới và nâng cao chất lượng các khâu trong công tác cán bộ theo tinh thần Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 20/10/2016 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Nam Định về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp từ năm 2016 đến năm 2020; xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp có bản lĩnh chính trị, có năng lực, có lối sống trong sạch lành mạnh, có tinh thần trách nhiệm cao, gương mẫu thực hiện, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Tăng cường giáo dục, rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, phong cách, lối sống cho đội ngũ cán bộ; tăng cường kiểm tra, giám sát đối với cán bộ; hàng năm, tổ chức các cuộc kiểm tra, giám sát theo phân cấp quản lý. Thực hiện tốt công tác luân chuyển, điều động cán bộ đặc biệt là cán bộ lãnh đạo, quản lý ở các lĩnh vực liên quan mật thiết đến nhiệm vụ cải thiện năng lực cạnh tranh cấp tỉnh như: Nội vụ, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch đầu tư, Tài chính, Cơ sở hạ tầng... khi có dư luận, thông tin không tích cực.

(2) Chỉnh sửa, thay thế Quyết định số 34/2016/QĐ-UBND ngày 09/9/2016 về ban hành quy chế phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc cấp, điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với các dự án đầu tư thực hiện ngoài khu công nghiệp, đảm bảo thực hiện cơ chế “một đầu mối” khi nhà đầu tư quyết định đầu tư trên địa bàn tỉnh Nam Định cho phù hợp với Quyết định số 1378/QĐ-UBND ngày 19/6/2017 của UBND tỉnh về việc thành lập Trung tâm Xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Nam Định trực thuộc Văn phòng UBND tỉnh theo đúng quy định. Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến đầu tư; xây dựng, ban hành quy chế phối hợp giữa Trung tâm Xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Nam Định với các cơ quan, tổ chức liên quan, có quy định rõ trách nhiệm, thời gian thực hiện các thủ tục về đầu tư của từng cơ quan, đơn vị. Nghiêm túc quán triệt và chỉ đạo chặt chẽ công tác thanh tra theo tinh thần Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 17/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị số 07/CT-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định ngày 30/5/2017 về việc chấn chỉnh, nâng cao hiệu quả thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Nam Định. Đặc biệt, khi xây dựng, phê duyệt kế hoạch thanh tra hàng năm không để xảy ra tình trạng thanh tra, kiểm tra quá 01 lần/năm đối với doanh nghiệp; chủ động rà soát, kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch thanh tra khi cần thiết theo hướng không làm tăng số cuộc thanh tra.

(3) Các Sở, ban, ngành có liên quan thực hiện nghiêm các nhiệm vụ cải thiện 111 chỉ số thành phần (*theo Phụ lục gửi kèm*). Xây dựng, ban hành cơ chế giám sát việc thực hiện các giải pháp cải thiện chỉ số PCI năm 2017 và những năm tiếp theo để hoàn thành mục tiêu phấn đấu đứng trong top đầu hạng khá trở lên trên bảng xếp hạng chỉ số PCI các tỉnh, thành phố trong cả nước và tiến tới nằm trong các tỉnh có chỉ số PCI xếp loại tốt. Đồng thời, triển khai có hiệu quả dự án Phát triển hạ tầng khung chính quyền điện tử tỉnh Nam Định giai đoạn

2016-2020.

(4) Tập trung huy động mọi nguồn lực để đầu tư nâng cao chất lượng hệ thống kết cấu hạ tầng từng bước đảm bảo tính đồng bộ, kết nối, phục vụ cho hoạt động xúc tiến và thu hút đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Chủ động tạo điều kiện thuận lợi cho thu hút đầu tư vào Khu công nghiệp Dệt may Rạng Đông và phát triển vùng kinh tế biển phía Nam tỉnh Nam Định; Hoàn thiện các thủ tục chuyển chủ đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp Mỹ Trung cho đơn vị có đủ năng lực và tiến hành các hoạt động thu hút nhà đầu tư thứ cấp vào sản xuất, kinh doanh trong khu công nghiệp Mỹ Trung; Tiếp tục ưu tiên thu hút các dự án đầu tư quy mô lớn xung quanh Khu công nghiệp dệt may Rạng Đông từ các nhà đầu tư có tiềm lực lớn như tập đoàn Taekwang (Hàn Quốc), Công ty Acwa Power (Ả-rập Xê-út); các nhà đầu tư từ Nhật Bản, Hàn Quốc, Châu Âu, Hoa Kỳ...

(5) Khuyến khích các hộ kinh doanh cá thể chuyển đổi và đăng ký hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhằm đảm bảo việc sử dụng đất hiệu quả, tránh tình trạng manh mún. Tiếp tục khuyến khích các tổ chức, cá nhân đăng ký kinh doanh qua mạng thông qua cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

(6) Đẩy mạnh thực hiện cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông”, từng bước hoàn thiện xây dựng, thực hiện cơ chế “một cửa liên thông điện tử” tại các cơ quan, đơn vị; nhất là tại cấp huyện, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong giải quyết TTHC; phấn đấu thực hiện tốt Đề án “Hệ thống giao dịch hành chính theo cơ chế một cửa tập trung liên thông hiện đại” tại các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các xã, phường, thị trấn.

(7) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị nghiêm túc chấp hành quy định về trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước về thực hiện cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Nam Định (theo Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 25/4/2017 của UBND tỉnh). Kết quả thực hiện công tác CCHC hàng năm (được xác định theo bộ chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố quy định tại Quyết định số 850/QĐ-UBND ngày 25/4/2017) là một trong các cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, năng lực lãnh đạo, điều hành và trách nhiệm của người đứng đầu và là cơ sở để đánh giá công tác thi đua khen thưởng.

(8) Nâng cao chất lượng công tác xây dựng và quản lý quy hoạch; thường xuyên rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch ngành, lĩnh vực, quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất phù hợp với thực tiễn triển khai và dự báo trong thời gian tới nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho xúc tiến và thu hút đầu tư bằng các hình thức phù hợp theo quy định; phân công trách nhiệm cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị, cá nhân triển khai thực hiện quy hoạch.

(9) Đa dạng hóa các loại hình hợp tác, đào tạo lao động; xây dựng và triển khai kế hoạch phối hợp với các trường, trung tâm đào tạo nghề, các doanh nghiệp, nhà đầu tư đến đầu tư trên địa bàn để mở các lớp đào tạo nhằm nâng cao trình độ tay nghề cho đội ngũ lao động tại chỗ để lực lượng này có thể được tuyển dụng vào làm việc tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp sẽ hình

thành trong thời gian tới.

(10) Thành lập và công khai đường dây nóng, hỏi đáp trực tuyến trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh để tiếp nhận phản ánh và hướng dẫn, giải đáp cho doanh nghiệp. Phát huy vai trò trách nhiệm của Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp trực thuộc Văn phòng UBND tỉnh trong công tác xúc tiến, thu hút đầu tư. Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, quảng bá tiềm năng, lợi thế cạnh tranh, cơ chế chính sách của tỉnh thông qua tổ chức hội nghị xúc tiến đầu tư tỉnh Nam Định. Đồng thời, tăng cường liên kết các hoạt động xúc tiến đầu tư với các hoạt động thương mại, du lịch và tuyên truyền đối ngoại đảm bảo thực chất và có hiệu quả.

2.2. Nội dung cụ thể

2.2.1. Cải thiện 10 chỉ số thành phần

Các Sở, ban, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đề xuất, thực hiện các giải pháp cải thiện 10 chỉ số thành phần, chi tiết như sau:

(1) Chỉ số Gia nhập thị trường

- Cơ quan chủ trì thực hiện các giải pháp cải thiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- Cơ quan phối hợp thực hiện: Cục Thuế tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan.

(2) Chỉ số Tiếp cận đất đai

- Cơ quan chủ trì thực hiện các giải pháp cải thiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp thực hiện: Cục Thuế tỉnh, Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan.

(3) Chỉ số Tính minh bạch

- Cơ quan chủ trì thực hiện các giải pháp cải thiện: Văn phòng UBND tỉnh.
- Cơ quan phối hợp thực hiện: Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông, Cục Thuế tỉnh, Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan.

(4) Chỉ số Chi phí thời gian

- Cơ quan chủ trì thực hiện các giải pháp cải thiện: Sở Nội vụ.
- Cơ quan phối hợp thực hiện: Thanh tra tỉnh, Sở Tư pháp, Sở Nội vụ, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh, Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan.

(5) Chỉ số Chi phí không chính thức

- Cơ quan chủ trì thực hiện các giải pháp cải thiện: Sở Nội vụ.
- Cơ quan phối hợp thực hiện: Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố.

(6) Chỉ số Tính năng động

- Cơ quan chủ trì thực hiện các giải pháp cải thiện: Văn phòng UBND tỉnh.
- Cơ quan phối hợp thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh; các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố.

(7) Chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp

- Cơ quan chủ trì thực hiện các giải pháp cải thiện: Sở Công Thương.
- Cơ quan phối hợp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh; các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố.

(8) Chỉ số Đào tạo lao động

- Cơ quan chủ trì thực hiện các giải pháp cải thiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.
- Cơ quan phối hợp thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo; các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố.

(9) Chỉ số Thiết chế pháp lý

- Cơ quan chủ trì thực hiện các giải pháp cải thiện: Sở Tư pháp.
- Cơ quan phối hợp thực hiện: Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục thi hành án tỉnh; các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố.

(10) Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng

- Cơ quan chủ trì thực hiện các giải pháp cải thiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- Cơ quan phối hợp thực hiện: Văn phòng UBND tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng; các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố.

2.2.2. Cải thiện 111 chỉ số cơ sở

Các Sở, ban, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đề xuất, thực hiện các giải pháp cải thiện 111 chỉ số cơ sở (chi tiết theo Phụ lục số 02).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Nam Định xây dựng kế hoạch cụ thể; tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện các nội dung nêu trong Kế hoạch này và nhiệm vụ phân công cụ thể tại Phụ lục đính

kèm đến tất cả cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị; đồng thời cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, công việc để tập trung chỉ đạo đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao. Định kỳ 06 tháng (trước 15/6) và 01 năm (trước 15/12) báo cáo kết quả thực hiện về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Nam Định) và các đơn vị liên quan thường xuyên theo dõi, đôn đốc các cơ quan liên quan thực hiện Kế hoạch này. Tổng hợp tình hình thực hiện nhiệm vụ, định kỳ báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện Kế hoạch./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Phòng TM&CN Việt Nam (VCCI);
- Website tỉnh, Website VP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố Nam Định;
- CPVP UBND tỉnh;
- VP2, VP3, VP5, VP6, VP7, VP8, XTĐT;
- Lưu: VP1, VP5.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Đình Nghị



PHỤ LỤC 01: MỤC TIÊU CẢI THIỆN CHỈ SỐ PCI TỈNH NAM ĐỊNH ĐẾN NĂM 2020

(Kèm theo Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 23/8/2017 của UBND tỉnh Nam Định)

TT	CHỈ SỐ	Trọng số (%)	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
I	Các Chỉ số thành phần		58,54	59,75	60,13	60,56	60,93
	<i>Phân nhóm</i>		<i>Nhóm đầu hạng khá</i>	<i>Nhóm đầu hạng khá</i>	<i>Nhóm hạng tốt</i>	<i>Nhóm hạng tốt</i>	<i>Nhóm hạng tốt</i>
1	Gia nhập thị trường	5	8,58	8,60	8,61	8,61	8,62
2	Tiếp cận đất đai	5	5,75	5,88	5,95	5,98	6,00
3	Tính minh bạch	20	6,06	6,10	6,12	6,14	6,16
4	Chi phí thời gian	5	6,16	6,19	6,20	6,21	6,21
5	Chi phí không chính thức	10	5,48	5,55	5,58	5,62	5,65
6	Tính năng động của chính quyền tỉnh	5	5,01	5,05	5,07	5,08	5,09
7	Hỗ trợ doanh nghiệp	20	5,91	5,98	6,01	6,05	6,08
8	Đào tạo lao động	20	5,93	5,99	6,02	6,05	6,08
9	Thiết chế pháp lý	5	3,86	5,20	5,41	5,80	6,10
10	Cạnh tranh bình đẳng	5	5,13	5,20	5,23	5,25	5,26

PHỤ LỤC 02. KẾ HOẠCH PHÂN CÔNG THỰC HIỆN CẢI THIỆN 111 CHỈ SỐ CƠ SỞ - CHỈ SỐ PCI NĂM 2017 VÀ CÁC NĂM TIẾP THEO

(Kèm theo Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 23/8/2017 của UBND tỉnh Nam Định)



Chi tiêu cơ sở	Chỉ số thành phần	Cơ quan phối hợp
1 Văn phòng UBND tỉnh chịu trách nhiệm thực hiện các giải pháp cải thiện 26 chỉ tiêu cơ sở		
1 Phí, lệ phí được công khai	Chi phí thời gian	Tất cả các cơ quan chính quyền cấp tỉnh, cấp huyện
2 Thu tục giấy tờ đơn giản	Chi phí thời gian	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
3 % DN truy cập vào website của UBND	Tinh minh bạch	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
4 Căn cứ "mối quan hệ" để có được các tài liệu của tỉnh	Tinh minh bạch	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
5 Tiếp cận tài liệu quy hoạch	Tinh minh bạch	Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
6 Có những sáng kiến hay ở cấp tỉnh nhưng chưa được thực thi tới ở các Sở, ngành	Tinh năng động của chính quyền tỉnh	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
7 Phản ứng của tình khi có điểm chưa rõ trong chính sách/vấn bản trung ương: "trì hoãn thực hiện và xin ý kiến chỉ đạo" và "không làm gì"	Tinh năng động của chính quyền tỉnh	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
8 TI lệ số nhà cung cấp dịch vụ tư nhân và có vốn đầu tư nước ngoài trên tổng số nhà cung cấp dịch vụ	Hỗ trợ doanh nghiệp	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
9 Dễ dàng có được các hợp đồng từ cơ quan Nhà nước là đặc quyền dành cho các tập đoàn kinh tế của Nhà nước	Cạnh tranh bình đẳng	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
10 "Hợp đồng, đấu thầu, ... và các nguồn lực kinh tế khác chủ yếu rơi vào tay các DN có liên kết chặt chẽ với chính quyền tỉnh"	Cạnh tranh bình đẳng	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan

	Chỉ tiêu cơ sở	Chỉ số thành phần	Cơ quan phối hợp
11	UBND tỉnh rất năng động và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề mới phát sinh	Tính năng động của chính quyền tỉnh	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
12	Cảm nhận của DN về thái độ của chính quyền tỉnh đối với khu vực tư nhân	Tính năng động của chính quyền tỉnh	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
13	Lãnh đạo tỉnh có chủ trương, chính sách đúng đắn nhưng không được thực hiện tốt ở cấp huyện	Tính năng động của chính quyền tỉnh	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
14	UBND tỉnh linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp tư nhân	Tính năng động của chính quyền tỉnh	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
15	Tỷ lệ số nhà cung cấp dịch vụ trên tổng số DN	Hỗ trợ doanh nghiệp	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
16	Hoạt động của các doanh nghiệp FDI nhận được nhiều quan tâm hỗ trợ hơn từ tỉnh	Cạnh tranh bình đẳng	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
17	Tính ưu tiên giải quyết các vấn đề, khó khăn cho DN mức ngoài hơn là DN trong nước	Cạnh tranh bình đẳng	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
18	Thủ tục hành chính nhanh chóng và đơn giản hơn là đặc quyền dành cho các tập đoàn kinh tế của Nhà nước	Cạnh tranh bình đẳng	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
19	Thuận lợi trong cấp phép khai thác khoáng sản là đặc quyền dành cho các tập đoàn kinh tế của Nhà nước	Cạnh tranh bình đẳng	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
20	Việc tinh ưu ái cho các tổng công ty, tập đoàn của Nhà nước gây khó khăn cho doanh nghiệp	Cạnh tranh bình đẳng	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
21	Ưu đãi với các công ty lớn (nhà nước và tư nhân) là trở ngại cho hoạt động kinh doanh của bản thân DN	Cạnh tranh bình đẳng	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan

Chỉ tiêu cơ sở	Chỉ số thành phần	Cơ quan phối hợp
22 Các tài liệu về ngân sách được công bố ngay sau khi cơ quan, cá nhân có thẩm quyền phê duyệt	Tính minh bạch	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
23 Tính ưu tiên thu hút đầu tư nước ngoài hơn là phát triển khu vực tư nhân	Cạnh tranh bình đẳng	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
24 % DN dành hơn 10% quỹ thời gian để tìm hiểu và thực hiện các quy định pháp luật của Nhà nước	Chi phí thời gian	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
25 % DN phải chờ hơn một tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động	Gia nhập thị trường	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh, Sở Tài nguyên và môi trường, Sở Xây dựng, Công an tỉnh và các cơ quan liên quan
26 % DN phải chờ hơn ba tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động	Gia nhập thị trường	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh, Sở Tài nguyên và môi trường, Sở Xây dựng, Công an tỉnh và các cơ quan liên quan
II Số Kế hoạch và đầu tư chủ trì thực hiện các giải pháp cải thiện 9 chỉ tiêu cơ sở		
1 Các tài liệu về ngân sách đã chi tiết để DN sử dụng cho hoạt động kinh doanh	Tính minh bạch	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
2 Thời gian thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp - số ngày	Gia nhập thị trường	Cục Thuế tỉnh và các cơ quan liên quan
3 Không đáp ứng bất kỳ tiêu chí nào	Gia nhập thị trường	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
4 DN đã từng sử dụng dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm đối tác kinh doanh	Hỗ trợ doanh nghiệp	Sở Công thương, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan

	Chỉ tiêu cơ sở	Chỉ số thành phần	Cơ quan phối hợp
5	Thời gian đăng ký doanh nghiệp - số ngày		Cục Thuế tỉnh và các cơ quan liên quan
6	% DN đăng ký hoặc sửa đổi đăng ký kinh doanh thông qua bộ phận Một cửa	Gia nhập thị trường	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
7	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm đối tác kinh doanh	Hỗ trợ doanh nghiệp	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
8	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm đối tác kinh doanh	Hỗ trợ doanh nghiệp	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
9	Thủ tục hành chính nhanh chóng và đơn giản hơn là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp FDI	Cạnh tranh bình đẳng	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
III Số Nội vụ chủ trì thực hiện các giải pháp cải thiện 9 chỉ tiêu cơ sở			
1	Không thấy bất kỳ sự thay đổi đáng kể nào (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	Chi phí thời gian	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
2	Các chi phí chính thức và không chính thức là chấp nhận được	Thiết chế pháp lý	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
3	Cán bộ tại bộ phận Một cửa am hiểu về chuyên môn	Gia nhập thị trường	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
4	Cán bộ nhà nước giải quyết công việc hiệu quả	Chi phí thời gian	Cục Thuế tỉnh và các cơ quan liên quan
5	Cán bộ nhà nước thân thiện	Chi phí thời gian	Cục Thuế tỉnh và các cơ quan liên quan
6	DN không cần phải đi lại nhiều lần để lấy dấu và chữ ký	Chi phí thời gian	Cục Thuế tỉnh và các cơ quan liên quan

Chỉ tiêu cơ sở	Chỉ số thành phần	Cơ quan phối hợp
7 Cán bộ tại bộ phận Môi của nhiệt tình, thân thiện	Gia nhập thị trường	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
8 Hướng dẫn về thủ tục tại bộ phận Môi của rõ ràng và đầy đủ	Gia nhập thị trường	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
9 Thủ tục tại bộ phận Môi của được niêm yết công khai	Gia nhập thị trường	Tất cả các cơ quan chính quyền cấp tỉnh, cấp huyện
IV Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì thực hiện các giải pháp cải thiện 11 chỉ tiêu cơ sở		
1 Thời gian chờ đợi để được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất	Gia nhập thị trường	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
2 Sự thay đổi khung giá đất của tỉnh phù hợp với sự thay đổi giá thị trường	Tiếp cận đất đai	Sở Tài chính và các cơ quan liên quan
3 % DN có mặt bằng kinh doanh (vốn là tài sản của cá nhân/gia đình hoặc do nhà nước giao, có thu tiền sử dụng đất hoặc DN nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất) và có Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất	Tiếp cận đất đai	Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan
4 % DN thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai trong vòng 2 năm qua nhưng không gặp bất kỳ khó khăn nào về thủ tục	Tiếp cận đất đai	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
5 Nếu bị thu hồi đất, DN sẽ được bồi thường thỏa đáng	Tiếp cận đất đai	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
6 DN đánh giá rủi ro bị thu hồi đất	Tiếp cận đất đai	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
7 % diện tích đất trong tỉnh có Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất	Tiếp cận đất đai	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan

	Chỉ tiêu cơ sở	Chỉ số thành phần	Cơ quan phối hợp
8	DN ngoài quốc doanh không gặp cản trở về tiếp cận đất đai hoặc mở rộng mặt bằng kinh doanh	Tiếp cận đất đai	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
9	% DN có nhu cầu được cấp GCNQSDĐ nhưng không có do thủ tục hành chính rườm rà/ lo ngại cán bộ những nhiều	Tiếp cận đất đai	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
10	Thuận lợi trong tiếp cận đất đai là đặc quyền dành cho các tập đoàn kinh tế của Nhà nước	Cạnh tranh bình đẳng	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
11	Thuận lợi trong việc tiếp cận đất đai là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp FDI	Cạnh tranh bình đẳng	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
V Số Công thương chủ trì thực hiện các giải pháp cải thiện 7 chỉ tiêu cơ sở			
1	Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường	Hỗ trợ doanh nghiệp	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
2	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ xúc tiến thương mại	Hỗ trợ doanh nghiệp	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
3	Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường	Hỗ trợ doanh nghiệp	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
4	DN đã từng sử dụng dịch vụ xúc tiến thương mại	Hỗ trợ doanh nghiệp	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
5	DN đã từng sử dụng dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường	Hỗ trợ doanh nghiệp	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
6	Số hội chợ thương mại do tỉnh tổ chức trong năm trước hoặc đăng ký tổ chức cho năm nay	Hỗ trợ doanh nghiệp	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan

Chi tiêu cơ sở		Chi số thành phần	Cơ quan phối hợp
7	<i>DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ xúc tiến thương mại</i>	Hỗ trợ doanh nghiệp	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
VI Số Tư pháp chủ trì thực hiện các giải pháp cải thiện 8 chi tiêu cơ sở			
1	<i>Tiếp cận tài liệu pháp lý</i>	Tinh minh bạch	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
2	<i>DN đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho việc tư vấn về pháp luật</i>	Hỗ trợ doanh nghiệp	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
3	<i>DN đã từng sử dụng dịch vụ tư vấn về pháp luật</i>	Hỗ trợ doanh nghiệp	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
4	<i>Doanh nghiệp tin tưởng và khả năng bảo vệ của pháp luật về vấn đề bản quyền hoặc thực thi hợp đồng</i>	Thiết chế pháp lý	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
5	<i>Khả năng có thể dự đoán được trong thực thi của tình đối với quy định pháp luật của Trung ương</i>	Tinh minh bạch	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
6	<i>DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật</i>	Hỗ trợ doanh nghiệp	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
7	<i>Hệ thống pháp luật có cơ chế giúp DN tố cáo hành vi tham nhũng của cán bộ</i>	Thiết chế pháp lý	Sở Nội vụ và các cơ quan liên quan
8	<i>Các cơ quan trợ giúp pháp lý hỗ trợ doanh nghiệp dùng luật để khởi kiện khi có tranh chấp</i>	Thiết chế pháp lý	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
VII Số Lao động, Thương binh và Xã hội chủ trì thực hiện các giải pháp cải thiện 13 chi tiêu cơ sở			

	Chỉ tiêu cơ sở	Chỉ số thành phần	Cơ quan phối hợp
1	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ đào tạo về quản trị kinh doanh	Hỗ trợ doanh nghiệp	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
2	DN đã từng sử dụng dịch vụ đào tạo về quản trị kinh doanh	Hỗ trợ doanh nghiệp	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
3	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ đào tạo về quản trị kinh doanh	Hỗ trợ doanh nghiệp	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
4	DN đã từng sử dụng dịch vụ giới thiệu việc làm	Đào tạo lao động	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
5	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ giới thiệu việc làm	Đào tạo lao động	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
6	% tổng chi phí kinh doanh dành cho tuyển dụng lao động	Đào tạo lao động	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
7	Mức độ hài lòng với lao động	Đào tạo lao động	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
8	Dịch vụ do các cơ quan Nhà nước tại địa phương cung cấp: Dạy nghề	Đào tạo lao động	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
9	Tỷ lệ lao động tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đào tạo nghề ngắn và dài hạn trên tổng lực lượng lao động	Đào tạo lao động	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
10	% số lao động của DN đã hoàn thành khóa đào tạo tại các trường dạy nghề	Đào tạo lao động	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
11	% tổng chi phí kinh doanh dành cho đào tạo lao động	Đào tạo lao động	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan

Chi tiêu cơ sở		Chỉ số thành phần	Cơ quan phối hợp
12	Ti lệ người lao động tái nghiệp trường đào tạo nghề/số lao động chưa qua đào tạo	Đào tạo lao động	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
13	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ giới thiệu việc làm	Đào tạo lao động	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
VIII Số Khoa học và Công nghệ chủ trì thực hiện các giải pháp cải thiện 3 chỉ tiêu cơ sở			
1	DN đã từng sử dụng dịch vụ liên quan đến công nghệ	Hỗ trợ doanh nghiệp	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
2	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ liên quan đến công nghệ	Hỗ trợ doanh nghiệp	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
3	DN có ý định tiếp tục sử dụng nhà cung cấp trên cho các dịch vụ liên quan đến công nghệ	Hỗ trợ doanh nghiệp	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
IX Số Tài chính chủ trì thực hiện các giải pháp cải thiện 3 chỉ tiêu cơ sở			
1	DN đã từng sử dụng dịch vụ đào tạo về kế toán và tài chính	Hỗ trợ doanh nghiệp	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
2	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ đào tạo về kế toán và tài chính	Hỗ trợ doanh nghiệp	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
3	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ đào tạo về kế toán và tài chính	Hỗ trợ doanh nghiệp	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
X Số Thông tin và Truyền thông chủ trì thực hiện các giải pháp cải thiện 2 chỉ tiêu cơ sở			
1	Ứng dụng công nghệ thông tin tại bộ phận Một cửa tôi	Gia nhập thị trường	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan

	Chỉ tiêu cơ sở	Chỉ số thành phần	Cơ quan phối hợp
2	Điểm số về độ mở và chất lượng trang web của tỉnh	Tính minh bạch	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
XI	Số Giáo dục và Đào tạo chủ trì thực hiện các giải pháp cải thiện 1 chỉ tiêu cơ sở		
	Dịch vụ do các cơ quan Nhà nước tại địa phương cung cấp: Giáo dục phổ thông	Đào tạo lao động	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
XII	Thanh tra tỉnh chủ trì thực hiện các giải pháp cải thiện 7 chỉ tiêu cơ sở		
1	Số cuộc thanh tra, kiểm tra trung vị	Chi phí thời gian	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
2	Số giờ trung vị làm việc với thanh tra, kiểm tra thuế	Chi phí thời gian	Cục Thuế tỉnh và các cơ quan liên quan
3	Công việc đạt được kết quả mong đợi sau khi đã trả chi phí không chính thức	Chi phí không chính thức	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
4	% DN phải chi hơn 10% doanh thu cho các loại chi phí không chính thức	Chi phí không chính thức	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
5	Hiện tượng những khiếu nại quyết thủ tục cho DN là phổ biến	Chi phí không chính thức	Tất cả các cơ quan chính quyền cấp tỉnh, cấp huyện
6	Các khoản chi phí không chính thức ở mức chấp nhận được	Chi phí không chính thức	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
7	Các DN cùng ngành thường phải trả thêm các khoản chi phí không chính thức	Chi phí không chính thức	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
XIII	Cục thuế tỉnh chủ trì thực hiện các giải pháp cải thiện 2 chỉ tiêu cơ sở		
1	Thương lượng với cán bộ thuế là phân thiết yếu trong hoạt động kinh doanh	Tính minh bạch	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan

Chi tiêu cơ sở	Chỉ số thành phần	Cơ quan phối hợp
2 <i>Miền giảm thuế TNDN là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp FDI</i>	Cạnh tranh bình đẳng	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
XIV <i>Tòa án Nhân dân tỉnh chủ trì thực hiện các giải pháp cải thiện 8 chỉ tiêu cơ sở</i>		
1 <i>Phán quyết của tòa án được thi hành nhanh chóng</i>	Thiết chế pháp lý	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
2 <i>Phán quyết của tòa án là công bằng</i>	Thiết chế pháp lý	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
3 <i>Tòa án các cấp của tỉnh xử các vụ kiện kinh tế nhanh chóng</i>	Thiết chế pháp lý	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
4 <i>Tòa án các cấp của tỉnh xét xử các vụ kiện kinh tế đúng pháp luật</i>	Thiết chế pháp lý	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan
5 <i>Tỷ lệ vụ án đã được giải quyết trong năm</i>	Thiết chế pháp lý	Cục thi hành án dân sự tỉnh và các cơ quan liên quan
6 <i>DN sẵn sàng sử dụng tòa án để giải quyết các tranh chấp</i>	Thiết chế pháp lý	Cục thi hành án dân sự tỉnh và các cơ quan liên quan
7 <i>Số lượng vụ việc tranh chấp của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Tòa án kinh tế cấp tỉnh thụ lý trên 100 doanh nghiệp</i>	Thiết chế pháp lý	Cục thi hành án dân sự tỉnh và các cơ quan liên quan
8 <i>Tỷ lệ % nguyên đơn ngoài quốc doanh trên tổng số nguyên đơn tại Tòa án kinh tế tỉnh</i>	Thiết chế pháp lý	Cục thi hành án dân sự tỉnh và các cơ quan liên quan
XV <i>Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh chủ trì thực hiện các giải pháp cải thiện 1 chỉ tiêu cơ sở</i>		
<i>Thuận lợi trong tiếp cận các khoản tín dụng là đặc quyền dành cho các tập đoàn kinh tế của Nhà nước</i>	Cạnh tranh bình đẳng	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan

Chỉ tiêu cơ sở	Chỉ số thành phần	Cơ quan phối hợp
XVI Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa tính chủ trì thực hiện các giải pháp cải thiện 1 chỉ tiêu cơ sở:		
<p>Vai trò của các hiệp hội DN địa phương trong việc xây dựng và phân bổ chính sách, quy định của tỉnh</p>	<p>Tỉnh minh bạch</p>	